Mẫu số 40-DS
NQ01/2017/NQ-HĐTP
13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU** Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Than Uyên, ngày 05 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/ TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trạc Thị T, sinh năm: 1984;

Cư trú tại: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lò Văn K , sinh năm: 1984;

Cư trú tại: Bản L, xã M huyện T , tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trạc Thị T và anh Lò Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trạc Thị T và anh Lò Văn K thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trạc Thị T và anh Lò Văn K xác nhận có ba con chung là: Cháu Lò Văn T, sinh ngày 06/5/2007; Cháu Lò Văn T, sinh ngày 16/8/2004; Cháu Lò Minh T, sinh ngày 18/8/2014; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị:

Giao cho chị Trạc Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Minh T cho đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác;

Giao cho anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Văn T và cháu Lò Văn T cho đến khi cháu Toan, cháu Tiến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Do chị T và anh K không yêu cầu nhau cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Thị và anh K có quyền yêu cầu nhau và yêu cầu các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị Thị và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trạc Thị T và anh Lò Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trong đó chị Trạc Thị T và anh Lò Văn K mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh K để chị Thị nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Trạc Thị T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002947 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí. Chị T được hoàn trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TA tỉnh;
- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- UBND xã M
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng